

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/CTCPTMDVCV/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

Địa chỉ trụ sở: Số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243 222 3000 **Fax:** 0243 722 6352 **E-mail:** huong.tranmai@ggg.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102721191

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

TCVN ISO 22000:2007 /ISO 22000:2005

Số giấy chứng nhận: HA 209/1.15.E

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP - QUACERT.

Ngày cấp: 30/11/2015

I. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Bột bách thảo (Pai Tsau Powder)

2. Thành phần: Thì là, quế, đinh hương, linh chi phục sinh, cam thảo, bạch chi, vỏ cây acanthopanax, Tán tiêu zanthoxylum bungeanum.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 2 năm kể từ ngày sản xuất.
- Hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Bảo quản và hướng dẫn sử dụng:

- **Bảo quản:** ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
- **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chế biến món ăn phù hợp

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong túi giấy và PP chuyên dùng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 600gr±10gr

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- **Xuất xứ :** Đài Loan

- **Tên cơ sở sản xuất:** Công ty Hữu hạn Xí nghiệp Thống Long

- **Địa chỉ:** Số 18 ngõ 121 đường Lập Đức, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- **Tên cơ sở nhập khẩu:** CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

Địa chỉ trụ sở: Số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:



Bột bách thảo (Pai Tsau Powder)

Thành phần: Thì là, quế, đinh hương, linh chi phục sinh, cam thảo, bạch chỉ, vỏ cây acanthopanax, Tàn tiêu zanthoxylum bungeanum.

NSX-HSD: HSD in trên bao bì, HSD 2 năm kể từ ngày sản xuất

KLT: 600gr±10gr

Xuất xứ: Đài Loan

Bảo quản: ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chế biến món ăn phù hợp

Tên cơ sở sản xuất: Công ty Hữu hạn Xí nghiệp Thống Long

Địa chỉ: Số 18 ngõ 121 đường Lập Đức, quận Bắc Đầu, thành phố Đài Bắc, Đài Loan

Tên cơ sở nhập khẩu: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

Địa chỉ trụ sở: Số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Đạt yêu cầu theo QCVN 8-3:2012/BYT và Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về giới hạn ô nhiễm VSV trong thực phẩm;

Đạt yêu cầu theo QCVN 8-1: 2011/BYT Quy chuẩn giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm;

Đạt yêu cầu theo QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà nội, ngày 5 tháng 5 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC ĐỐI NGOẠI
Mai Trọng Phú

GOLDEN GATE





Số: 1707357A/KQKN
Mã số: 1707045-1
Trang 2 | 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Cảm quan	-	Mẫu dạng bột, màu nâu sẫm, mùi vị đặc trưng, không có mùi vị lạ	Cảm quan
02	Năng lượng	Kcal/100g	371	Được tính từ Protein, Carbohydrate, Lipid
03	Độ ẩm	%	9.10	AOAC 931.04 (*)
04	Protein	%	8.05	AOAC 991.20 (*)
05	Lipid	%	4.89	Ref. AOAC 948.22 (*)
06	Carbohydrate	%	73.8	TCVN 4594:1988
07	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 986.15
08	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11
09	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD=0.4)	Ref. Application Note Agilent
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD=0.4)	Ref. Application Note Agilent
11	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	Không phát hiện	ISO 4833-1 : 2013
12	Coliforms	CFU/g	Không phát hiện	ISO 4832:2006 (*)
13	Escherichia Coli	CFU/g	Không phát hiện	ISO 16649-2:2001 (*)
14	Clostridium perfringens	CFU/g	Không phát hiện	ISO 7937:2004
15	Bacillus cereus	CFU/g	Không phát hiện	ISO 7932:2004
16	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	Không phát hiện	ISO 21527-2:2008